

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 134/2024/DS-ST

Ngày: 31/12/2024.

V/v: Tranh chấp "hợp đồng góp
hụi và vay tài sản"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Thường

Ông Nguyễn Thanh Dũ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đông - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang
tham gia phiên tòa: Bà Kiều Thị Mỹ Tiên - Kiểm sát viên

Trong ngày 31 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 292/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp "Hợp đồng góp hụi và vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 183/2024/QĐXX-ST ngày 11 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị B, sinh năm 1976

Địa chỉ: ấp K, xã P, huyện T, tỉnh T.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Hồng Tươi, sinh năm 1960

Địa chỉ: ấp K, xã P, huyện T, tỉnh T.

- Hai bên đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 09/8/2024 nguyên đơn bà Trần Thị B trình bày: Tôi và bà Trần Thị Hồng Tươi có quan hệ quen biết nên tôi có tham gia hụi và cho bà T vay tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

Về hụi: Tôi có tham gia 02 dây hụi do bà T làm chủ, cụ thể:

Dây 1: Hụi 5.000.000đồng/phần, hụi khai vào ngày 30/6/2022, hụi 02 tháng khai một lần, hụi gồm 18 phần, tôi tham gia 01 phần, đóng hụi sống được 09 lần, đến lần thứ 10 thì bà T ngưng hụi. Như vậy dây hụi này bà T còn nợ tôi là 45.000.000đồng.

Dây 2: Hụi 2.00.000đồng/phần, hụi khai vào ngày 20/01/2023â, hụi mỗi tháng khai một lần, hụi gồm 16 phần, tôi tham gia 01 phần, đóng hụi sống được 10 lần, đến lần thứ 11 thì bà T ngưng hụi. Như vậy dây hụi này bà T còn nợ tôi là 20.000.000đồng.

Tổng nợ hụi: 65.000.000đồng

Về vay: Tôi có cho bà T vay 05 lần tiền cụ thể như sau:

Ngày 21/3/2023â vay 12.000.000đồng

Ngày 15/8/2023â vay 7.000.000đồng

Ngày 25/02/2024â vay 6.000.000đồng

Ngày 15/8/2024â vay 33.000.000đồng

Ngày 17/8/2024â vay 14.000.000đồng

Tổng nợ vay: 72.000.000đồng

Tổng cộng nợ vay và hụi 137.000.000đồng. Ngày 15/8/2023 bà T làm giấy xác nhận nợ tôi tổng cộng là 137.000.000đồng và có ký tên. Bà T cam kết hẹn trả nhiều lần nhưng không thực hiện.

Nay tôi yêu cầu bà Trần Thị Hồng T phải có trách nhiệm trả cho tôi số tiền vốn vay là 137.000.000đồng. Yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

+ Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/12/2024 bị đơn bà Trần Thị Hồng T xác định: Tôi thừa nhận nội dung vay nợ và hụi như nguyên đơn bà Trần Thị B đã xác định. Hiện tôi còn nợ bà B số tiền hụi và vay là 137.000.000đồng, tôi có làm giấy xác nhận nợ bà B tổng cộng là 137.000.000đồng vào ngày 15/8/2023.

Nay tôi đồng ý trả cho bà Trần Thị B số tiền 137.000.000đồng, xin trả dần mỗi tháng là 1.000.000đồng.

* Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn bà Trần Thị B yêu cầu bà Trần Thị Hồng T phải trả cho bà số tiền vốn vay và hụi tổng cộng là 137.000.000đồng. Yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn bà Trần Thị Hồng T đồng ý trả cho bà Trần Thị B số tiền nợ hụi và vay là 137.000.000đồng, nhưng xin trả dần.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu xác định Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn của bà Trần Thị B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Hội đồng xét thấy theo đơn khởi kiện và yêu cầu của bà Trần Thị B tại phiên tòa, thì bà B yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Phước giải quyết buộc bà Trần Thị Hồng T phải trả cho bà số tiền nợ hụi và vay tổng cộng là 137.000.000 đồng. Bị đơn bà Trần Thị Hồng T hiện cư trú tại ấp K, xã

P, huyện T, tỉnh T. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước theo qui định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là "tranh chấp về hợp đồng dân sự góp hụi và vay tài sản" qui định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463, 471 của Bộ luật dân sự.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa bà Trần Thị B yêu cầu bà Trần Thị Hồng T phải trả cho bà số tiền nợ hụi và vay tổng cộng là 137.000.000đồng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà Trần Thị B là có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ: Do có mối quan hệ quen biết nên bà B có tham gia 02 dây hụi tiền do bà T làm chủ, quá trình thực hiện hụi bà T còn nợ bà B số tiền hụi là 65.000.000đồng đến nay chưa trả. Ngoài ra bà T còn vay của bà B 05 lần tiền với tổng số tiền vay là 72.000.000đồng vào năm 2023, 2024 đến nay vẫn chưa trả.

Xét thấy bà B kiện bà T yêu cầu trả số tiền nợ hụi và vay là 137.000.000 đồng, bà B có giao nộp kèm theo đơn khởi kiện là 01 Giấy xác nhận nợ và 02 Giấy danh sách hụi. Các giấy này thể hiện việc chơi hụi, số lượng hụi viên tham gia, tổng số tiền hụi và vay bà T thiếu bà B... Do đó bà B đã có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là hợp pháp, theo qui định tại Khoản 1 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự; Theo qui định tại Khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự qui định "Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó". Trong vụ án này bà T không có sự phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của bà B và chứng cứ do bà B cung cấp. Đồng thời bà T thừa nhận nợ bà B 137.000.000đồng tiền nợ hụi, vay và đồng ý trả.

Do đó có cơ sở xác định hợp đồng góp hụi và vay tài sản giữa bà B với bà T đã được xác lập hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các đương sự theo qui định của pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng bà B cho rằng từ khi ngưng hụi đến nay bà T không có trả khoảng tiền hụi nào và cũng không có trả được khoảng tiền vay nào cả và còn nợ số tiền tổng cộng là 137.000.000 đồng. Lời khai của bà B phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được bà T thừa nhận, nên có căn cứ xác định bà T còn nợ bà B số tiền hụi và vay tổng cộng là 137.000.000đồng đến nay chưa trả như bà B đã xác định là đúng. Vì vậy bà B khởi kiện là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bà Trần Thị Hồng T phải trả cho bà Trần Thị B số tiền nợ hụi và vay là 137.000.000đồng theo yêu cầu của bà B là phù hợp với Điều 463, 466, 471 của Bộ luật dân sự.

[3] Về yêu cầu tính lãi: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà B không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về thời gian trả: Tại phiên tòa hôm nay bà B yêu cầu bà T phải trả cho bà số tiền hụi và vay một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Bị đơn bà T xin trả dần nhưng không xác định được thời gian và số tiền trả dần là bao nhiêu. Hội đồng xét xử xét thấy bà T đã vi phạm hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466, 471 Bộ luật dân sự. Bà B đã yêu cầu bà T trả tiền nhiều lần nhưng bà T vẫn không trả mà kéo dài thời gian trả nợ, gây nhiều thiệt hại về quyền lợi cho bà B. Do đó Hội đồng xét xử buộc bà T phải có nghĩa vụ

trả cho bà B số tiền nợ hụi và vay tổng cộng **137.000.000đồng** theo thời gian yêu cầu của bà B là phù hợp.

[5] Về án phí: Bị đơn bà Trần Thị Hồng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuy nhiên do bà T là người cao tuổi, có đơn xin miễn tiền án phí nên căn cứ vào Điểm đ Khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử thống nhất miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Trần Thị Hồng T.

[6] Xét lời đề nghị của kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 463, 466, 471, Khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị B.

- Buộc bà Trần Thị Hồng T phải trả cho bà Trần Thị B số tiền nợ hụi và vay tổng cộng là **137.000.000đồng** (một trăm ba mươi bảy triệu đồng). Thực hiện nghĩa vụ giao trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Trần Thị B có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Trần Thị Hồng T chậm trả tiền thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại 357, điều 468 của Bộ luật dân sự, tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí:

- Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Trần Thị Hồng T.

- Hoàn trả cho bà Trần Thị B số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 3.425.000 đồng theo biên lai thu số 0003705 ngày 13/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

Bà B và bà T được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện Tân Phước.
- Chi Cục THADS huyện Tân Phước.
- Các đương sự:
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa**

Nguyễn Chí Khanh